



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 496/2022/LICOGI-CBTT

V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng giữa
niên độ (đã được soát xét)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0912046454
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính riêng giữa
niên độ (đã được soát xét), cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 29/8/2022 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Vũ Nguyên Vũ

Số: 499./2022/CV-TCKT

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ
BCTC riêng đã soát xét 6 tháng đầu
năm 2022

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán", ngày 27/8/2021 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế. Trên báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 liên quan đến dự án này hay không.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt là 72,99 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022, chỉ tiêu "phải thu ngắn hạn khác" phản ánh cao hơn số tiền 72,99 tỷ đồng và chỉ tiêu "lũy kế đến đầu kỳ này" phản ánh thấp hơn số tiền tương ứng. Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2022, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản chi phí lãi vay này vào chỉ tiêu "chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ với giá trị 72,99 tỷ đồng. Theo đó, trên báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu "chi phí tài chính" đang phản ánh cao hơn và chỉ tiêu "lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" phản ánh thấp hơn số tiền tương ứng.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo



hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục “Đầu tư tài chính dài hạn” và “Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt:

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Đối với khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi do Công ty con này chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản tạm ứng cho Ban quản lý dự án. Do các khoản tạm ứng này Công ty con đang phối hợp với các bên có liên quan để thu hồi các khoản tạm ứng này nên Công ty con chưa trích lập dự phòng phải thu đối với khoản tạm ứng này. Mặt khác, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, chúng tôi đã trích lập dự phòng khoản tạm ứng này khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận và Tổng Công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT, BKS (để báo cáo)
- Lưu TCKT, VP HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Nguyễn Vũ

Số: 500./2022/CV-TCKT

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022 của BTCT Công ty mẹ sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán", Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 đã soát xét như sau:

1- Giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021:

Nội dung	ĐVT	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	335.716	277.660	20,9%
Tổng chi phí	Tr. đồng	237.151	274.295	-14%
Thu nhập khác	Tr. đồng	2.569	6	100%
Chi phí khác	Tr. đồng	19.493	8.344	134%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	81.642	(4.974)	1741%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	81.642	(4.974)	1741%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 đã soát xét tăng 86 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước là do:

- Tổng doanh 6 tháng đầu năm 2022 tăng 20,9% tương đương 58 tỷ đồng, nhưng tổng chi phí giảm 14% tương đương 37 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Tổng doanh thu tăng chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính tăng do Công ty mẹ ghi nhận doanh thu thoái một phần vốn tại công ty liên kết.

- Thu nhập khác 6 tháng đầu năm 2022 tăng 2,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước là do bán thanh lý một số TSCĐ.

2- Giải trình chênh lệch lợi nhuận 5% so với báo cáo trước kiểm toán:

Nội dung	ĐVT	Số liệu 6th 2022 trước kiểm toán	Số liệu 6th 2022 sau kiểm toán	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và Doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	335.848	335.716	-0,04%
Tổng chi phí	Tr. đồng	209.804	237.151	11,5%



Thu nhập khác	Tr. đồng	2.569	2.569	
Chi phí khác	Tr. đồng	19.468	19.493	0,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	109.146	81.642	-33,7%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	109.146	81.642	-33,7%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2022 đã soát xét giảm 27 tỷ đồng là do trích lập bổ sung dự phòng các khoản đầu tư tài chính và dự phòng nợ phải thu.

Trân trọng.

Nơi nhận: *la*

- Như trên;
- HĐQT TCT, BKS (để báo cáo)
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC *la*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Nguyên Vũ



TÔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Đinh Việt Tùng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Nguyễn Trường Sơn | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |
| 4. Ông Nguyễn Danh Quân | Ủy viên |
| 5. Ông Ưng Tiến Đỗ | Ủy viên |
| 6. Ông Nguyễn Thanh Hợp | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 3. Ông Phan Đức Hùng | Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 01 tháng 07 năm 2022) |
| 4. Bà Phan Lan Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. Ông Nguyễn Thanh Hợp | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2022) |

Ban Kiểm soát

- | | |
|-------------------------------|---|
| 1. Ông Phan Hải Triều | Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |
| 2. Bà Dương Thị Phương | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022) |
| 3. Bà Kiều Bích Hoa | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương | Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |
| 5. Bà Nguyễn Thu Trang | Thành viên (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ | Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/03/2022) |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/03/2022) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám Đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Số: 082901/2022/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng Công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 liên quan đến dự án này hay không.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt là 72,99 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác. Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022, chỉ tiêu "phải thu ngắn hạn khác" phản ánh cao hơn số tiền 72,99 tỷ đồng và chỉ tiêu "lũy kế đến cuối năm trước" phản ánh thấp hơn số tiền tương ứng. Trong kỳ hoạt

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

động 6 tháng đầu năm 2022, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản chi phí lãi vay này vào chỉ tiêu "chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ với giá trị 72,99 tỷ đồng. Theo đó, trên báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, chỉ tiêu "chi phí tài chính" đang phản ánh cao hơn và chỉ tiêu "lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" phản ánh thấp hơn số tiền tương ứng.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Nếu Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này thì khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" và "Lợi nhuận kế toán sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 297.234.857.969 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 377.377.053.211 đồng), tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 844.178.423.502 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 980.663.847.594 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính từ các chủ sở hữu, đối tác, ... Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được trình bày tại Thuyết minh số II, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP thì giá trị phần vốn Nhà Nước chưa bao gồm giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Việc xác định giá trị chi phí cơ hội của Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt được thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý khác. Tổng Công ty có trách nhiệm nộp giá trị chi phí cơ hội của dự án này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính của Tổng Công ty nên đọc các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

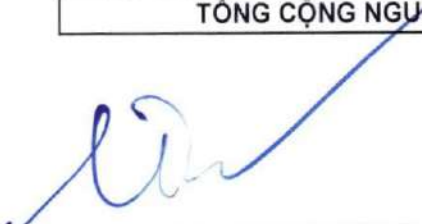
Đơn vị: VND

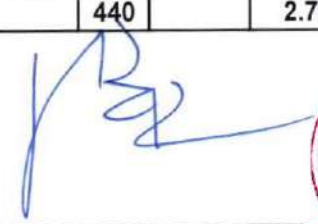
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		916.080.205.065	954.912.058.239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	125.590.099.247	110.555.087.679
1. Tiền	111		125.590.099.247	110.555.087.679
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	70.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		661.509.291.519	785.553.421.472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	191.735.230.363	315.091.073.048
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	71.350.684.519	76.669.082.778
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	193.203.623.180	193.203.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	314.988.154.144	300.358.156.257
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(109.768.400.687)	(99.768.513.791)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	40.528.828.626	45.360.899.643
1. Hàng tồn kho	141		41.396.049.951	46.228.120.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.451.985.673	13.442.649.445
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	181.971.822	78.588.266
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.915.009.315	13.010.936.443
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	355.004.536	353.124.736
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.868.241.106.817	1.925.002.156.161
I. Tài sản cố định	220		100.982.612.453	109.188.133.573
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	100.982.612.453	109.188.133.573
- Nguyên giá	222		428.797.904.005	455.136.241.865
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.815.291.552)	(345.948.108.292)
II. Bất động sản đầu tư	230		1.357.365.162	1.357.365.162
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	1.357.365.162
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.844.918.305	14.844.918.305
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	4.589.571.314	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	10.255.346.991	10.255.346.991
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.751.056.210.897	1.799.582.604.958
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	1.443.580.147.489	1.443.580.147.489
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	329.392.720.375	354.718.980.552
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	59.260.545.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(82.677.202.367)	(59.477.068.483)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	29.134.163
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	-	29.134.163
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.784.321.311.882	2.879.914.214.400

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.181.556.169.851	2.357.291.267.611
I. Nợ ngắn hạn	310		1.760.258.628.567	1.935.575.905.833
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	296.321.005.186	372.056.246.433
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	134.700.846.866	202.095.119.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	49.065.412.919	48.194.955.115
4. Phải trả người lao động	314		5.936.797.516	11.908.204.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	265.963.723.441	278.818.250.561
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	75.895.835.627	71.080.833.838
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	930.608.384.768	951.135.674.276
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.766.622.244	286.622.244
II. Nợ dài hạn	330		421.297.541.284	421.715.361.778
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		678.829.863	1.096.650.357
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	60.000.000.000	60.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	354.460.000.000	354.460.000.000
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		6.158.711.421	6.158.711.421
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		602.765.142.031	522.622.946.789
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	602.765.142.031	522.622.946.789
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(297.234.857.969)	(377.377.053.211)
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		(378.877.053.211)	(386.841.256.586)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81.642.195.242	9.464.203.375
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.784.321.311.882	2.879.914.214.400


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu


Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

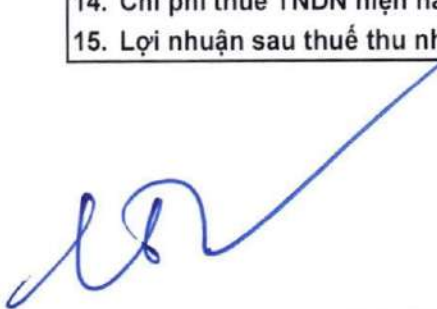


Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		48.180.700.853	232.161.931.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	48.180.700.853	232.161.931.690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.460.950.060	228.904.744.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.280.249.207)	3.257.187.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	287.535.525.567	45.498.178.087
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	158.848.085.319	31.875.434.602
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		135.386.881.035	31.875.434.602
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25.841.514.916	13.515.212.196
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		98.565.676.125	3.364.718.433
10. Thu nhập khác	31	VI.6	2.569.107.498	5.736.000
11. Chi phí khác	32	VI.7	19.492.588.381	8.344.275.411
12. Lợi nhuận khác	40		(16.923.480.883)	(8.338.539.411)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.642.195.242	(4.973.820.978)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.642.195.242	(4.973.820.978)


Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu

Nguyễn Anh Dũng
Kê toán trưởng

 Vũ Nguyên Vũ
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	81.642.195.242	(4.973.820.978)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.205.521.120	8.507.915.428
Các khoản dự phòng	03	33.200.020.780	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(289.089.889.201)	(45.498.178.087)
Chi phí lãi vay	06	135.386.881.035	31.875.434.602
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(30.655.271.024)	(10.088.649.035)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	131.532.369.299	(32.408.874.123)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.832.071.017	(3.161.552.283)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(190.913.195.282)	21.993.158.943
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(74.249.393)	345.029.373
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.168.886.001)	(25.974.467.817)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(20.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(113.467.161.384)	(49.295.354.942)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.554.363.634	-
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	196.407.908.585	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.067.190.241	6.602.480.319
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	149.029.462.460	6.602.480.319
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	250.426.092.760	449.943.501.889
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(270.953.382.268)	(423.278.732.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.527.289.508)	26.664.769.540
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.035.011.568	(16.028.105.083)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	110.555.087.679	17.715.260.358
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	125.590.099.247	1.687.155.275



Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Nguyễn Anh Dũng
Kê toán trưởng



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buyn điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	22,22%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Thông tin về các Công ty nhận đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13	Hà Nội	3,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	3,98%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Xây dựng công trình
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng chuyên dụng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hồ Chí Minh	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 154 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 101 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc được loại trừ toàn bộ khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 297.234.857.969 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 377.377.053.211 đồng), tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 844.178.423.502 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 980.663.847.594 đồng). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính từ các chủ sở hữu, đối tác, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên giá trị hợp đồng công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	133.277.994	185.098.718
Tiền gửi ngân hàng	125.456.821.253	89.334.988.961
Tiền đang chuyển	-	21.035.000.000
Cộng	125.590.099.247	110.555.087.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn - Ngân hàng TMCP Việt Á (i)	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
b) Dài hạn				
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

(ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm. Trái phiếu này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	22.206.876.711	80.802.347.503
Công ty Cổ phần LICOGI 13	11.915.360.428	31.546.762.177
Ban quản lý dự án xây dựng trụ sở Công an TP HCM	-	25.051.173.842
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Dân Dụng và Công Nghiệp Tỉnh Quảng Ninh	7.893.711.140	17.556.357.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 578	14.603.806.049	14.803.806.049
BQLDA Đầu tư Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc	8.638.802.226	11.241.793.650
Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Hòa Bình	8.936.478.335	8.936.478.335
Các đối tượng khác	96.278.600.635	103.890.759.653
Cộng	191.735.230.363	315.091.073.048
b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	34.886.425.761	34.747.782.819



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước - Licogi	43.559.119.547	37.060.956.800
Công ty Cổ phần Licogi 15	12.636.263.761	10.582.917.642
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	4.237.983.181
Công ty Cổ phần Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	11.459.511.634	21.091.435.578
Cộng	71.350.684.519	76.669.082.778
b) Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	59.956.631.452	59.166.473.252

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước (*)	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (**)	191.603.623.180	191.603.623.180
Cộng	193.203.623.180	193.203.623.180
b) Phải thu về cho vay ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	193.203.623.180	193.203.623.180

(*) Khoản cho vay theo hợp đồng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25 tháng 04 năm 2017, số tiền cho vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, lãi suất cho vay thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ, các hình thức đảm bảo tiền vay là nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19 tháng 04 năm 2017.

(**) Khoản cho vay theo hợp đồng nguyên tắc số 04/2017/HĐVV/LICOGI-NỢĐT ngày 31 tháng 03 năm 2017, số tiền cho vay tối đa là 351.802.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày giải ngân đến 15 tháng 08 năm 2019. Đơn vị vay để thực hiện dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lãi suất cho vay trong hạn thay đổi, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ bằng 110% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

Theo phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền nợ và kỳ trả nợ gốc vay được gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022. Lãi suất 16%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu khác ngắn hạn		
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	97.037.312.353	3.691.875.000
Phải thu người lao động	2.979.778.697	2.941.972.372
Tạm ứng	32.211.914.881	24.502.263.200
Phải thu các bên liên quan khác	783.323.162	14.193.192.530
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi (*)	146.608.395.296	131.157.276.363
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	-	72.992.608.004
Phải thu khác	6.245.810.220	21.757.349.253
Cộng	314.988.154.144	300.358.156.257
b) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	248.057.246.397	152.670.559.479
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh VII.1)</i>		

(*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, các khoản Tổng Công ty cho Công ty con này vay, tạm ứng để thực hiện dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khách hàng	41.277.841.348	-	41.277.841.348	40.078.649.206	-	40.078.649.206
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	21.261.594.839	-	21.261.594.839
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	4.449.989.593	-	4.449.989.593
1B dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị số 1 TP. HCM	2.672.614.907	-	2.672.614.907	-	-	-
Công ty Cổ phần KT Đô thị Nam Thăng Long	1.982.135.768	-	1.982.135.768	1.982.135.768	-	1.982.135.768
Công trình Khu liên hợp thể thao Quốc gia	1.696.290.575	-	1.696.290.575	1.696.290.575	-	1.696.290.575
Phải thu khách hàng khác	9.215.215.666	-	9.215.215.666	10.688.638.431	-	10.688.638.431
b) Phải thu khác	61.560.316.068	-	61.560.316.068	53.929.732.119	-	53.929.732.119
Công ty Xây dựng 19	4.337.712.455	-	4.337.712.455	4.337.712.455	-	4.337.712.455
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác cảng	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	25.493.403.949	-	25.493.403.949
Ban điều hành Thủy điện Sơn La	407.283.893	-	407.283.893	407.283.893	-	407.283.893
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	-	6.079.942.000	6.079.942.000	-	6.079.942.000
Phải thu đối tượng khác	24.991.973.771	-	24.991.973.771	17.361.389.822	-	17.361.389.822
c) Trả trước cho người bán	6.930.243.271	-	6.930.243.271	5.760.132.466	-	5.760.132.466
Công ty Thiết bị Công nghiệp XD Công nghệ mới	333.599.600	-	333.599.600	333.599.600	-	333.599.600
Công ty CP Licogi 13 XD và kỹ thuật công trình	440.835.303	-	440.835.303	440.835.303	-	440.835.303
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	-	3.695.789.577	3.695.789.577	-	3.695.789.577
Trả trước cho người bán khác	2.460.018.791	-	2.460.018.791	1.289.907.986	-	1.289.907.986
Cộng	109.768.400.687	-	109.768.400.687	99.768.513.791	-	99.768.513.791

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.388.724.779	(867.221.325)	1.527.625.598	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.374.741.153	-	44.067.892.605	-
Thành phẩm	2.556.329	-	2.575.075	-
Cộng	41.396.049.951	(867.221.325)	46.228.120.968	(867.221.325)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.012.001.239	12.783.441.365
Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - gói 10	10.963.571.080	8.959.115.781
Dự án 423 Minh Khai	2.158.942.956	2.158.942.956
Các dự án khác	14.240.225.878	20.166.392.503
Cộng	39.374.741.153	44.067.892.605

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	42.880.296.049	388.007.807.975	22.494.228.696	1.753.909.145	455.136.241.865
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.173.212.893)	(7.165.124.967)	-	(26.338.337.860)
Tại ngày cuối kỳ	42.880.296.049	368.834.595.082	15.329.103.729	1.753.909.145	428.797.904.005
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	34.679.182.659	287.504.695.439	22.170.909.506	1.593.320.688	345.948.108.292
Khấu hao trong kỳ	502.018.000	7.614.327.120	52.176.000	37.000.000	8.205.521.120
Thanh lý, nhượng bán	-	(19.173.212.893)	(7.165.124.967)	-	(26.338.337.860)
Tại ngày cuối kỳ	35.181.200.659	275.945.809.666	15.057.960.539	1.630.320.688	327.815.291.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	8.201.113.390	100.503.112.536	323.319.190	160.588.457	109.188.133.573
Tại ngày cuối kỳ	7.699.095.390	92.888.785.416	271.143.190	123.588.457	100.982.612.453

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 138.455.396.329 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 178.578.786.920 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 84.221.256.644 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 85.525.677.838 đồng).

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Công trình Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Ngày 09 tháng 03 năm 2017, Hội đồng Quản trị có nghị quyết về việc không tiếp tục đầu tư vốn vào dự án Thủy điện Cẩm Thủy và chỉ đạo các phòng ban chủ động tìm phương án thu hồi vốn đã bỏ ra. Ngày 10 tháng 07 năm 2017, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra thông báo số 131/TB-UBND, trong đó thống nhất tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2 do Tổng Công ty đang thực hiện và chuyển sang cho các sở ban ngành quy hoạch và trình phê duyệt dự án thủy lợi, thủy điện Cẩm Hoàng. Đến nay, Tổng Công ty chưa nhận được văn bản nào khác của các cơ quan chức năng có liên quan đến dự án này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	181.971.822	78.588.266
Cộng	181.971.822	78.588.266
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	-	29.134.163
Cộng	-	29.134.163

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (*)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
Cộng	10.255.346.991	10.255.346.991

(*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất cho Sở tài chính Hà Nội số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10 tháng 08 năm 2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đồng Anh	1.529.568	34.476.838.106	-	1.529.568	34.476.838.106	-
Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi	27.609.700	300.945.730.000	-	27.609.700	300.945.730.000	-
Công ty CP Tư vấn Licogi	288.000	3.177.150.487	-	288.000	3.177.150.487	-
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566	38.178.368.992	-	2.563.566	38.178.368.992	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.226.400	16.855.532.723	(12.592.903.245)	1.226.400	16.855.532.723	(8.353.518.740)
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	675.240	10.110.056.968	-	675.240	10.110.056.968	-
Công ty CP Licogi 15	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)	659.430	6.593.800.000	(6.593.800.000)
Công ty CP Licogi 17	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)	563.290	10.393.670.213	(10.393.670.213)
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)	2.257.150	22.571.500.000	(22.571.500.000)
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)	1.027.750	10.277.500.000	(10.277.500.000)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-		900.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		90.000.000.000	(4.472.640.385)		90.000.000.000	-
Cộng		1.443.580.147.489	(66.902.013.843)		1.443.580.147.489	(58.189.988.953)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	27.064.983	280.746.574.730	-	29.113.083	301.991.630.000	-
Công ty CP Licogi 14	5.961.748	46.647.076.676	-	6.483.348	50.728.281.583	-
Công ty CP Licogi 19	190.008	1.999.068.969	(1.095.336.252)	190.008	1.999.068.969	(944.038.250)
Cộng		329.392.720.375	(1.095.336.252)		354.718.980.552	(944.038.250)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	(4.553.548.192)	596.700	7.895.068.192	-
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	(9.783.262.800)	2.717.573	25.001.671.600	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	1.518.750	10.530.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608	-
Công ty Cổ phần Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(257.368.101)	30.000	300.000.000	(257.368.101)
Cộng		59.260.545.400	(14.679.852.272)		59.260.545.400	(343.041.280)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây lắp số 9	24.661.092.196	24.661.092.196	73.766.356.043	73.766.356.043
Công ty Cổ phần Licogi 13	34.799.013.628	34.799.013.628	53.539.535.732	53.539.535.732
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	21.636.597.502	21.636.597.502	31.390.872.009	31.390.872.009
Công ty Cổ phần Licogi 16	28.808.948.620	28.808.948.620	30.033.945.370	30.033.945.370
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	24.834.410.896	24.834.410.896	26.620.313.859	26.620.313.859
Công ty Cổ phần Licogi 10	15.796.103.293	15.796.103.293	14.457.570.449	14.457.570.449
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	36.393.343.967	36.393.343.967	14.290.566.312	14.290.566.312
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoàng Anh	9.869.505.614	9.869.505.614	10.414.309.946	10.414.309.946
Thầu phụ của Ban ĐH Dung Quất	9.358.015.247	9.358.015.247	10.376.483.794	10.376.483.794
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	4.033.761.577	4.033.761.577	5.122.168.738	5.122.168.738
Phải trả cho các đối tượng khác	86.130.212.646	86.130.212.646	102.044.124.181	102.044.124.181
Cộng	296.321.005.186	296.321.005.186	372.056.246.433	372.056.246.433
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	90.385.785.945	90.385.785.945	113.610.262.705	113.610.262.705

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ Phần Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	73.000.000.010	73.000.000.010	81.000.000.010	81.000.000.010
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	40.049.893.107	40.049.893.107	45.924.629.229	45.924.629.229
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án đê chắn sóng Dung Quất	-	-	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592	5.553.391.592
Công trình Nhà máy Đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907	5.246.722.907
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	8.793.362.575	8.793.362.575	28.973.491.795	28.973.491.795
Người mua trả tiền trước khác	2.057.476.675	2.057.476.675	4.689.760.274	4.689.760.274
Cộng	134.700.846.866	134.700.846.866	202.095.119.347	202.095.119.347
b) Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan	113.049.893.117	113.049.893.117	126.924.629.239	126.924.629.239

(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	355.004.536	-	1.879.800	353.124.736
Cộng	355.004.536	-	1.879.800	353.124.736
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	5.251.257.407	5.251.257.407	18.271.861.728
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	136.407.184	1.019.849.319	2.280.457.783	1.397.015.648
Thuế tài nguyên	-	17.682.000	48.111.000	30.429.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	349.675.616	349.675.616	-
Thuế bảo vệ môi trường	36.298.900	8.337.000	22.680.000	50.641.900
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.449.380.873	2.944.363.859	768.525.591	27.273.542.605
Cộng	49.065.412.919	9.591.165.201	8.720.707.397	48.194.955.115

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	197.609.025.691	168.307.074.003
Chi phí trích trước các công trình	58.572.637.060	86.235.130.480
Trong đó:		
- Công trình Suối chặn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	15.572.121.891	18.107.454.040
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.343.716.979	7.343.716.979
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	2.038.494.431
- Công trình khu liên hợp sản xuất Hòa Phát Dung Quất	-	7.735.263.764
- Trụ sở Công an TP Hồ Chí Minh	-	17.391.897.507
Chi phí phải trả khác	9.782.060.690	24.276.046.078
Cộng	265.963.723.441	278.818.250.561
b) Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	124.988.975.890	143.695.584.720

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	1.587.738.789	1.756.489.361
Bảo hiểm xã hội	10.114.116.900	9.736.166.372
Bảo hiểm y tế	805.484.811	792.695.996
Bảo hiểm thất nghiệp	803.500.831	917.803.572
Phải trả về CP hoá	14.112.595.415	14.112.595.415
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Thủy điện Đakdrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (*)	24.692.222.237	24.692.222.237
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	9.350.000.000	4.713.424.658
Các khoản khác	2.983.644.078	2.912.903.661
Cộng	75.895.835.627	71.080.833.838
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (**)	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000
c) Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	92.192.222.237	92.192.222.237

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)**

- (*) Khoản phải trả bao gồm phải trả về chi phí lãi vay của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và phải trả do nhận ứng trước từ hợp đồng số 04/2008/HĐĐT-XDC2-TL ngày 08 tháng 08 năm 2008 về việc Tổng Công ty giao đất cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 thực hiện triển khai dự án Thịnh Liệt.
- (**) Ngày 25 tháng 09 năm 2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngân hàng	445.437.197.646	445.437.197.646	111.029.141.305	118.217.388.487	452.625.444.828	452.625.444.828
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (i)	96.912.150.618	96.912.150.618	44.618.524.255	44.602.280.060	96.895.906.423	96.895.906.423
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (ii)	10.844.167.616	10.844.167.616	-	-	10.844.167.616	10.844.167.616
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (iii)	289.726.234.278	289.726.234.278	22.385.464.956	27.554.446.453	294.895.215.775	294.895.215.775
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (iv)	47.954.645.134	47.954.645.134	44.025.152.094	46.060.661.974	49.990.155.014	49.990.155.014

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay các đơn vị	444.369.726.537	444.369.726.537	137.532.000.000	138.000.000.000	444.837.726.537	444.837.726.537
- Công ty Cổ phần Azura (v)	217.500.000.000	217.500.000.000	-	-	217.500.000.000	217.500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông (vi)	43.301.197.156	43.301.197.156	136.032.000.000	118.000.000.000	25.269.197.156	25.269.197.156
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu (vii)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Đồng Anh LICOGI (viii)	72.805.454.198	72.805.454.198	-	-	72.805.454.198	72.805.454.198
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (ix)	13.141.339.779	13.141.339.779	1.500.000.000	-	11.641.339.779	11.641.339.779
- Tập đoàn Sông Đà (x)	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	8.500.000.000	8.500.000.000
- Các đơn vị khác (xi)	4.121.735.404	4.121.735.404	-	20.000.000.000	24.121.735.404	24.121.735.404
Vay cá nhân (xi)	40.801.460.585	40.801.460.585	1.864.951.455	14.735.993.781	53.672.502.911	53.672.502.911
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	930.608.384.768	930.608.384.768	250.426.092.760	270.953.382.268	951.135.674.276	951.135.674.276
Cộng Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	930.608.384.768	930.608.384.768			951.135.674.276	951.135.674.276
b) Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	129.247.991.133	129.247.991.133			109.715.991.133	109.715.991.133

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202101881 ngày 27 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn tối đa 97.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 3.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022. Tổng Công ty sử dụng máy móc thiết bị, cổ phiếu (tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25 tháng 11 năm 2020.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tổng Công ty sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng) và hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25 tháng 12 năm 2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28 tháng 12 năm 2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 là 10.844.167.616 đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10 năm 2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10 năm 2022, Tổng Công ty Licogi - CTCP cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/134647/HĐTD ngày 16 tháng 02 năm 2022. Hạn mức cấp tín dụng là 395 tỷ đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức vay là 295 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2022. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tổng Công ty sử dụng một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202100540 ngày 07 tháng 06 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay thả nổi. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 07 tháng 06 năm 2022. Thời hạn của khoản vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng Công ty sử dụng máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này theo Hợp đồng cầm cố số 1300-LCP-201900526 ngày 18 tháng 04 năm 2019, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23 tháng 04 năm 2019; hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23 tháng 04 năm 2019 và Hợp đồng cầm cố tài sản số 1300LCP201901465 ngày 30 tháng 12 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(v) Hợp đồng vay số 10_2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 07 năm 2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 4.169.061 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm.

(vi) Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng.

(vii) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh.

Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay vốn số 07/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU ngày 30 tháng 12 năm 2021 gia hạn thời hạn vay từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(viii) Bao gồm 3 hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 25 tháng 09 năm 2017 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 08 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 08 năm 2021 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tổng Công ty sử dụng quyền hưởng cổ tức năm 2021, năm 2022 và các khoản phải thu hợp pháp khác của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 là 48.585.454.198 đồng.

- Hợp đồng vay số 3105/2018/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 05 năm 2018 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 3105/2018/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 31 tháng 08 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 31 tháng 08 năm 2021 hoặc đến thời hạn Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông, hoặc đến khi Tổng Công ty Licogi - CTCP thoái vốn khỏi Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tổng Công ty sử dụng Quyền hưởng cổ tức năm 2021 và 2022 (nếu có) của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 là 21.670.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 0802/2021/HĐVV/LICOGI-CKĐA ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi nhằm trả nợ ngân hàng, các tổ chức tín dụng và phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 9%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay hoặc đến khi bên cho vay chi trả cổ tức năm 2020 và năm 2021 cho các cổ đông tùy thuộc điều kiện nào đến trước. Tổng Công ty sử dụng Quyền sử dụng cổ tức năm 2020, năm 2021 của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022 là 2.550.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MÃU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

(ix) Bao gồm 02 hợp đồng vay:

• Hợp đồng vay vốn số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 08 năm 2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 07/2022/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 4%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2022 đến ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo phụ lục hợp đồng gia hạn. Tổng Công ty sử dụng quyền hưởng lợi nhuận năm 2021 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 11.641.339.779 đồng.

• Hợp đồng vay vốn số 02/2022/HĐVV/LICOGI-LICOGI2 ngày 13 tháng 06 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi – CTCP và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là 9,5%/năm, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền. Tổng Công ty sử dụng quyền hưởng lợi nhuận năm 2022 của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 để đảm bảo cho khoản vay này. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 1.500.000.000 đồng.

(x) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ.

(xi) Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:

• Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐCV/TG-LICOGI ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty CP TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu Tổng Công ty phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/SG/2016 ngày 10 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm để đảm bảo cho khoản vay này. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 4.100.000.000 đồng.

• Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong kỳ, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	165.000.000.000	165.000.000.000	-	-	165.000.000.000	165.000.000.000
Vay các đơn vị	189.460.000.000	189.460.000.000	-	-	189.460.000.000	189.460.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông (ii)	189.460.000.000	189.460.000.000	-	-	189.460.000.000	189.460.000.000
Cộng	354.460.000.000	354.460.000.000	-	-	354.460.000.000	354.460.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-			-	-
Cộng các khoản vay dài hạn	354.460.000.000	354.460.000.000			354.460.000.000	354.460.000.000
b) Vay và nợ dài hạn là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	189.460.000.000	189.460.000.000			189.460.000.000	189.460.000.000

- (i) Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất thể hiện trên hợp đồng. Gốc vay được thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(386.841.256.586)	513.158.743.414
Lợi nhuận tăng trong năm	-	9.464.203.375	9.464.203.375
Số dư đầu kỳ này	900.000.000.000	(377.377.053.211)	522.622.946.789
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	81.642.195.242	81.642.195.242
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Số dư cuối kỳ này	900.000.000.000	(297.234.857.969)	602.765.142.031

(*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 119/2022/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty ngày 30 tháng 06 năm 2022.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	100%	900.000.000.000	100%	900.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.180.700.853	232.161.931.690
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa vật liệu xây dựng	16.354.478.531	198.532.401.050
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	727.060.494	2.526.372.240
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.099.161.828	31.103.158.400
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.180.700.853	232.161.931.690
Doanh thu với bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	1.011.686.250	10.494.474.156

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	16.060.454.827	198.340.712.008
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.133.588.500	816.341.210
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	35.266.906.733	29.747.691.328
Cộng	52.460.950.060	228.904.744.546

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.090.921.436	16.006.287.008
Cổ tức lợi nhuận được chia	100.362.955.723	29.491.891.079
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	169.989.115.093	-
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	1.092.533.315	-
Cộng	287.535.525.567	45.498.178.087

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	135.386.881.035	31.875.434.602
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	23.200.133.884	-
Chi phí tài chính khác	261.070.400	-
Cộng	158.848.085.319	31.875.434.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.863.416	78.762.878
Chi phí nhân viên quản lý	8.325.537.055	8.409.403.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.116.000	352.332.000
Thuế, phí, lệ phí	384.469.845	259.310.800
Trích lập dự phòng	9.999.886.896	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.549.428.556	2.745.945.657
Chi phí bằng tiền khác	4.155.213.148	1.669.456.918
Cộng	25.841.514.916	13.515.212.196

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản cố định	1.554.363.634	-
Tiền phạt bồi thường hợp đồng	95.607.200	-
Các khoản thu khác	919.136.664	5.736.000
Cộng	2.569.107.498	5.736.000

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	11.632.796.416	256.631.210
Khấu hao tài sản đang dừng hoạt động	7.736.729.692	7.990.030.000
Chi phí khác	123.062.273	97.614.201
Cộng	19.492.588.381	8.344.275.411

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.863.416	947.051.401
Chi phí nhân công	9.797.539.422	10.151.825.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.205.521.120	8.544.112.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.442.682.112	35.747.872.651
Chi phí khác bằng tiền	4.718.095.423	2.305.402.381
Cộng	55.285.701.493	57.696.264.714

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty CP Licogi 15	Công ty con
Công ty CP Licogi 17	Công ty con
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a. Bán hàng	1.011.686.250	10.494.474.156
Công ty CP Licogi 15	150.000.000	300.000.000
Công ty CP Licogi 17	-	44.727.273
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	218.181.818
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	861.686.250	9.931.565.065
b. Mua hàng	80.412.799.183	98.012.013.623
Công ty CP Licogi 17	46.974.470.231	58.284.759.403
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	15.095.752.960	31.995.356.177
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	13.830.751.563	7.731.898.043
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	4.511.824.429	-
c. Lãi cho vay	16.013.472.162	15.996.899.940
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	15.451.118.933	15.451.118.933
Công ty CP Licogi 15	103.813.889	95.527.778
Công ty CP Lắp máy Điện nước	458.539.340	450.253.229
d. Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.362.955.723	28.434.166.079
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	74.546.190.000	19.326.790.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	9.807.901.123	5.535.526.879
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	1.835.481.600	3.059.136.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	640.891.500	512.713.200
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	13.532.491.500	-
e. Chi phí lãi vay	9.945.374.942	13.954.411.939
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	3.294.446.801	4.721.564.884
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh Bất động sản Khu Đông	9.707.434.394	9.001.933.904
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	237.940.548	230.913.151
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	34.886.425.761	34.747.782.819
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty CP Licogi 15	610.761.500	472.118.558
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	27.662.534.224	27.662.534.224
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
Trả trước cho người bán ngắn hạn	59.956.631.452	59.166.473.252
Công ty CP Licogi 17	-	7.761.350.666
Công ty CP Lắp máy Điện nước	43.559.119.547	37.060.956.800
Công ty CP Licogi 15	12.636.263.761	10.582.917.642
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	65.458.567	65.458.567
Các khoản phải thu về cho vay	193.203.623.180	193.203.623.180
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	191.603.623.180	191.603.623.180
Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan	783.323.162	14.193.192.530
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	101.180.973
Công ty CP Licogi 15	-	1.749.532.230
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Lắp máy Điện nước	-	5.839.623.407
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	5.719.532.758
Cổ tức phải thu	97.037.312.353	3.691.875.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	74.546.190.000	-
Công ty CP Thủy Điện Bắc Hà	13.532.491.500	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	2.790.382.753	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	1.922.674.500	1.281.783.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và vật liệu Đông Anh	1.835.481.600	-
Công ty Cổ phần Licogi 10	202.572.000	202.572.000
Phải thu CP hóa các công ty con, liên kết	3.628.215.586	3.628.215.586
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
Phải thu khác	146.608.395.296	131.157.276.363
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	146.608.395.296	131.157.276.363
Tổng phải thu ngắn hạn khác	248.057.246.397	152.670.559.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	90.385.785.945	113.610.262.705
Công ty CP Licogi 17	8.477.474.699	26.694.251
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	15.796.103.293	14.457.570.449
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	36.393.343.967	14.290.566.312
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	24.661.092.196	73.766.356.043
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.807.083.115	6.915.433.684
Công ty CP Tư vấn Licogi	1.197.675.311	1.667.728.886
Công ty CP Licogi 14	-	1.432.899.716
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.013.804.678	1.013.804.678
Công ty CP Licogi 15	39.208.686	39.208.686
Các khoản người mua trả tiền trước	113.049.893.117	126.924.629.239
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	40.049.893.107	45.924.629.229
Công ty CP Cơ Giới Và Xây Lắp Số 9	73.000.000.010	81.000.000.010
Chi phí phải trả	124.988.975.890	143.695.584.720
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	3.176.804.865	3.176.804.865
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	664.690.242	664.690.242
Công ty CP Licogi 15	3.384.919.688	5.636.965.542
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	14.443.942.753	44.405.457.992
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	5.533.214.517	2.238.767.717
Công ty CP Lắp máy Điện nước	30.541.489.500	30.541.489.500
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	2.071.754.985	1.833.814.437
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	948.624.564	681.494.043
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh BĐS Khu Đông	64.223.534.776	54.516.100.382
Các khoản phải trả khác	92.192.222.237	92.192.222.237
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	24.692.222.237	24.692.222.237
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản vay	318.707.991.133	299.175.991.133
Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	232.761.197.156	214.729.197.156
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	72.805.454.198	72.805.454.198
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	13.141.339.779	11.641.339.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	608.485.455	546.789.120
1. Phan Thanh Hải	181.240.000	180.000.000
2. Nguyễn Thanh Hợp	86.445.455	40.200.000
3. Nguyễn Danh Quân	170.400.000	156.189.120
4. Ưng Tiến Đỗ	170.400.000	170.400.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	487.200.000	418.591.428
1. Vũ Nguyên Vũ	108.456.522	-
2. Phan Thanh Hải	73.943.478	133.983.188
3. Phan Đức Hùng	152.400.000	142.689.120
4. Phan Lan Anh	152.400.000	141.919.120
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Ban kiểm soát	129.400.000	274.800.000
1. Nguyễn Thị Khánh Phương	37.000.000	170.400.000
2. Nguyễn Thu Trang	92.400.000	92.400.000
3. Kiều Bích Hoa	-	12.000.000
Cộng	1.225.085.455	1.240.180.548

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

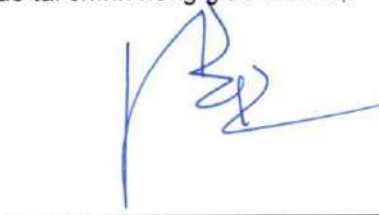
Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trần Thị Thu Hằng
Người lập biểu



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 08 năm 2022